

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU,
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30/12/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn
nhân & gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng và bà Đỗ Thị Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST -HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: Xóm K, xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An;

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Xóm K, xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An; kết hôn là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, do tính tình không phù hợp, anh

H có tính gia trưởng nên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và bị ngược đãi. Cuối năm 2019 mâu thuẫn căng thẳng, anh H đuổi chị và con ra khỏi nhà nên chị đã đưa con về bên ngoại ở, sau đó anh H sang đưa con về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay không còn quan tâm nhau, có liên lạc nhưng cũng chỉ xảy ra cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con: Anh H có 01 con riêng là Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/1998 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 29/11/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung là M; tại đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân, lương mỗi tháng 6.000.000đồng. Chị đang ở với bố mẹ đẻ, hiện nay bố mẹ chị đang hoàn tất thủ tục tặng cho chị 01 thửa đất để chị làm nhà đảm bảo chỗ ở, có điều kiện nuôi con tốt.

Về tài sản chung: Chị và anh H có tài sản chung là 01 bể nước; nhà tắm; nhà vệ sinh; mái tôn; chuồng dê xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của anh H có trước khi kết hôn; bình nóng lạnh; 01 xe máy Honda BKS 37L2 – 11701; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 02 con nghé cái; 01 con trâu có tổng trị giá 80.000.000đ. Tại phiên hòa giải ngày 19/11/2020, hai bên đã thỏa thuận phân chia và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Giao cho anh H được quyền sở hữu các tài sản chung của vợ chồng là hiện vật nêu trên và anh H trích trả cho chị số tiền 40.000.000đồng là giá trị chênh lệch tài sản.

Theo bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Nguyễn Thị C về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Quá trình sống ly thân anh có có gọi điện và sang nhà ngoại cùng gia đình bàn bạc để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị C yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Về con: Anh có 01 con riêng là Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/1998 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 29/11/2012. Ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi con chung là Minh; tại phiên hòa giải anh yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, tại phiên tòa anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh làm bảo vệ công ty xi măng lương mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) và có thêm thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, anh có nhà ở ổn định đủ điều kiện đảm bảo để

nuôi con.

Về tài sản: Anh thống nhất như chị C trình bày. Tại phiên hòa giải ngày 19/11/2020 anh và chị đã tự thỏa thuận phân chia các tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Anh xin được quyền sở các tài sản chung của vợ chồng là 01 bể nước; nhà tắm; nhà vệ sinh; mái tôn; chuồng dê xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn với chị C; bình nóng lạnh; 01 xe máy Honda BKS 37L2 – 11701; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 02 con nghé cái; 01 con trâu có tổng trị giá 80.000.000đ. Anh đồng ý bù giá trị chênh lệch tài sản cho chị C là 40.000.000đồng.

Cháu Nguyễn Thế M trình bày: Thời gian bố mẹ sống ly thân cháu ở với bố; Bố làm bảo vệ thường phải đi trực đêm nên bố phải gửi cháu qua nhà o, chú, thời gian gần đây cháu ở với mẹ. Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã TT: Chị C và anh H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh H không ai khai báo chính quyền địa phương hòa giải nên không nắm rõ. Hiện nay chị C và anh H đang sống ly thân. Chị C và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 29/11/2012, hiện nay cháu đang ở với anh H. Tòa án giải quyết ly hôn thì nên giao con cho chị C nuôi vì phụ nữ sẽ chăm sóc con tốt hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân H, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị C; công nhận về thỏa thuận phân chia tài sản của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở xóm K, xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Xuân H là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, thời gian sống ly thân anh H cũng đã bàn bạc với chị C trở về để gia đình đoàn tụ nhưng không có kết quả; trong quá trình giải quyết chị C yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy chị C và anh H đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, Chị C và anh H cũng thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con: Chị C và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét tính chất công việc của anh H làm bảo vệ, thường xuyên phải trực đêm cho nên không có đủ điều kiện thời gian để quản lý, chăm sóc cho con; Cháu Minh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Các tình tiết này là rõ ràng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng không phản đối. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị C là được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản: Chị C và anh H thống nhất hai người có khối tài sản chung là 01 bể nước; nhà tắm, mái tôn, nhà vệ sinh, chuồng dê xây dựng trên thửa đất số 296 tờ bản đồ số 60 ở Xóm K, xã TT, huyện QL (thửa đất này là tài sản riêng của anh H có trước khi kết hôn); bình nóng lạnh; 01 xe máy Honda BKS 37L2 – 11701; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 02 con nghé cái; 01 con trâu. Tại phiên hòa giải ngày 19/11/2020 Chị C và anh H thỏa thuận tự phân chia và đề nghị Tòa án giao cho anh H được quyền sở hữu các tài sản chung của vợ chồng là các hiện vật trên và anh H có trách nhiệm trích trả cho chị C một nửa giá trị tài sản chung là 40.000.000đồng. Đây là thỏa thuận phù hợp với pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm và án phí phần tài sản thỏa thuận được nhận là 40.000.000đ; anh Nguyễn Xuân H phải án phí phần tài sản thỏa thuận được sở hữu tương ứng 40.000.000đ.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Xuân H.

Về con: Giao cho cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 29/11/2012; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị C không yêu cầu.

Anh Nguyễn Xuân H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản: Giao anh Nguyễn Xuân H quyền sở hữu các tài sản là 01 bể nước, nhà tắm, mái tôn, nhà vệ sinh, chuồng dê xây dựng trên thửa đất số số 296 tờ bản đồ số 60 ở Xóm K, xã TT, huyện QL; bình nóng lạnh; 01 xe máy Honda BKS 37L2 – 11701; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 02 con nghé cái; 01 con trâu. Anh Nguyễn Xuân H trích trả bù giá trị chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị C 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị C được nhận 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) do anh Nguyễn Xuân H giao trả.

Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 1.000.000đ án phí chia tài sản; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003851, ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 1.000.000đ án phí chia tài sản. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị C 4.000.000đ.

Đ- ơng sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI – NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày 27 tháng 6 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ an

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Văn và ông Đặng Văn Tân.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 39/2019/ TLST - DS, ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Huy Hoàng, sinh năm 1982, có mặt

Bị đơn: Chị Đinh Thị Hạnh, sinh năm 1981, vắng mặt

Đều trú tại: Khối Tân Đông, phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ an.

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ đã đ- ợc xem xét tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về loại việc: Dân sự "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

2. Điều luật áp dụng:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: Nhất trí: 3/3.

3. Cách giải quyết các vấn đề yêu cầu:

Xử:

Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Văn Huy Hoàng và chị Đinh Thị Hạnh.

Về con: Giao cho anh Hoàng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Văn Thị Huệ, sinh ngày 13/12/2015; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Hạnh vì anh Hoàng chưa yêu cầu.

Chị Hạnh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

4. Các vấn đề khác:

- Án phí: Anh Hoàng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004680, ngày 19/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Văn

Đặng Văn Tân

Trần Ngọc Hà

